TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **776**/2018/HC-PT
Ngày: 23-8-2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thanh Hương

Ông Nguyễn Hồ Thanh Bạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 16/2018/TLPT-HC ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3379/2018/QĐ-PT ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh An L, sinh năm 1972

Địa chỉ: xã X, Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh An L: Ông Nguyễn Tri H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã X, Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 005978, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/6/2016 của Văn phòng Công chứng Việt An)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 349 Tân Túc, thị trấn V, Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Y: Ông Nguyễn Văn T1– Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Y

(Theo Văn bản ủy quyền số 1020/UQ-UBND ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân Y)

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Ngọc T– Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Y (có mặt)

- Ông Trần Văn Đ – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Y (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1972

Địa chỉ: 15B/37 Lê Thánh Tôn, phường J, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Tuyết T: Ông Nguyễn Tri H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: xã X, Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 005978, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/6/2016 của Văn phòng Công chứng Việt An)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2016, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 24/02/2017, các bản tự khai và tại phiên tòa thì người khởi kiện ông Huỳnh An L có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tri H trình bày như sau:

Quyết định số 9619/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân Y về thu hồi đất của ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T để thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn Y với diện tích thu hồi nằm trong ranh Dự án là 52,6 m2. Tuy nhiên, việc bồi thường về đất và vật kiến trúc nằm trên đất theo Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân Y là không đúng pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và L ích hợp pháp của ông. Tháng 01 năm 2017, ông nhận được Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Y về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T. Ông cũng không đồng ý với Quyết định này, bởi vì:

Phần diện tích đất 36,3m2 được tính giá đất nông nghiệp là không đúng. Nguồn gốc đất này của cha mẹ ông cho ông năm 2000. Cha mẹ ông sống trên mảnh đất này từ năm 1975, làm nhà năm 1976, việc này có Ủy ban nhân dân xã X xác nhận. Theo tài liệu 299/TTg thì thuộc thửa 1363, tờ bản đồ số 02, xã X, Y. Mẹ ông là bà Nguyễn Thị A đăng ký 300/7460m^2 loại đất thổ tập trung. Cũng trên thửa đất này, theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, căn cứ sổ bộ của xã X, cha ông là Huỳnh Văn T đã tiếp tục đăng ký diện tích là 660m^2, loại đất thổ. Như vậy, qua hai lần thì cha mẹ ông đã đăng ký 960m^2 đất thổ. Tuy nhiên, hiện nay,

toàn bộ khuôn viên đất ở của anh em ông nhỏ hơn 960m^2, trong đó chỉ có 300m^2 được miễn thuế khi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất 36,3m^2 ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, phần diện tích 36,3m^2 bị thu hồi hoàn toàn đủ điều kiện để được bồi thường đất ở theo quy định. Phần diện tích vật kiến trúc 28,56m^2 + 10,05m^2 = 38,61m^2 trên phần đất này đã có từ năm 2000 nằm trên đất thổ cư nên việc chỉ tính bồi thường 30% cho ông là không đúng quy định của pháp luật. Theo ông L thì Ủy ban phải bồi thường 100% theo giá đất ở theo Phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân Y mới hợp lý.

Do đó, ông L đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân Y và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Ủy ban nhân dân Y về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T, vì các quyết định trên ban hành không phù hợp với khoản 1, khoản 5 Điều 103 Luật đất đai 2013, khoản 1, khoản 5 Điều 20 Quyết định số 23 ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 43 năm 2014 của Chính phủ.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Y trình bày như sau:

Nguồn gốc đất do hộ ông Huỳnh Văn T sử dụng từ năm 1975, đến năm 1976 ông Huỳnh Văn T xây dựng nhà (hiện nay là nhà ở có địa chỉ D14/4 ấp 4, xã X, Y).

Theo Tài liệu chỉnh lý 1992: thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 03, theo sổ bộ đăng ký do Ủy ban nhân dân xã và ông Huỳnh Văn T đăng ký, diện tích 660m^2, loại đất thổ và thửa 4160, tờ bản đồ số 03, theo sổ bộ đăng ký do Ủy ban nhân dân xã và ông Huỳnh Văn T đăng ký diện tích 220m^2, loại đất Ao, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Tài liệu 299/TTg: thuộc phần thửa 1363 tờ bản đồ số 02, loại đất thổ tập trung, ông Huỳnh Văn T không đăng ký, bà Nguyễn Thị A là vợ của ông Huỳnh Văn T đăng ký 300/7460m^2.

Ngày 27/4/2012, bà Nguyễn Thị A được Ủy ban nhân dân Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02230 với tổng diện tích đất là 351,9m^2. Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị.

Năm 2000, ông Huỳnh Văn T cho tặng cho ông Huỳnh An L phần đất thuộc một phần thửa 4160, 4161, tờ bản đồ số 3 (tài liệu chỉnh lý 1992) để xây dựng nhà, sử dụng ổn định cho đến nay (ông Huỳnh Văn T là cha của ông Huỳnh An L).

Theo tài liệu bản đồ địa chính 2005, Bộ địa chính xã X thuộc thửa 127 do ông Huỳnh An L đăng ký.

Nhà số D14/4B ấp 4, xã X do ông Huỳnh An L xây dựng năm 2000.

Ngày 08 tháng 6 năm 2009, Ủy ban nhân dân Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 916/2009/UB-GCN cho ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T. Theo đó:

- Phần diện tích được cấp Giấy chứng nhận:

+ Diện tích đất ở: 50,3m^2.

+ Diện tích nhà ở: 36,1m^2.

- Phần diện tích vi phạm lộ giới đường S theo Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh không được công nhận.

+ Phần diện tích đất: 36.3m^2.

+ Phần diện tích nhà, công trình: 38,61m^2.

2. Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh An L

Căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí do công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế xây dựng đo đạc P lập ngày 02 tháng 04 năm 2015 và được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận ngày 04 tháng 4 năm 2015, vị trí khu đất nằm trong ranh Dự án thuộc một phần thửa 4160 (18,6m^2), 4161 (34,0m^2), tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu chỉnh lý 1992), tương ứng một phần thửa 804, tờ bản đồ số 70 (Theo tài liệu BĐĐC 2005), thuộc bộ địa chính xã X, Y.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 916/UB-GCN của Ủy ban nhân dân Y cấp ngày 08/6/2009;

Căn cứ Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng dự án của ông (bà) Huỳnh An L do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Y lập ngày 14/01/2014;

Căn cứ Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng dự án của ông (bà) Huỳnh An L đã được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận ngày 13/10/2014;

Căn cứ Quyết định số 9619/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân Y về thu hồi đất của ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T để thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn Y;

Diện tích thu hồi nằm trong ranh Dự án: 52,6m^2, trong đó gồm có:

- Phần diện tích 16,3m^2 thuộc một phần thửa 804-1, đã được Ủy ban nhân dân Huyện cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 916/2009/UB-GCN ngày 08/6/2009.

- Phần diện tích 36,3m2 thuộc một phần thửa 127-1 và 127-2 nằm trong lộ giới đường S không được công nhận.

Căn cứ phần II, chương III và phần III, chương IV, Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015 về bồi thường, hỗ trợ dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn Y; Ngày 13/11/2015, Ban Bồi thường lập Phiếu chiết tính số 90/PCT-BBT về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T ảnh hưởng trong dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể như sau:

Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Loại đất ở, vị trí mặt tiền đường S: 16,3m^2 x (3.000.000 đồng x 2,504) = 122.445.600 đồng.

- Loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí mặt tiền đường S: 36,3m^2 x (152.000 đồng x 2,467) = 13.611.919 đồng. (Phần diện tích nằm trong lộ giới đường S không được công nhận).

Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc:

- Nhà: Cột sắt, mái tole, vách tường, nền xi măng, diện tích 28,56m^2 và Nhà: cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic, trần xốp, diện tích 10,05m^2 (không bồi thường hỗ trợ, nhà xây dựng năm 2000, trên đất trồng cây lâu năm).

- Nhà: cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic, trần xốp: 27,86m^2 x 3.160.000 đồng = 88.037.600 đồng.

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là: 224.095.119 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm mười chín đồng).

Ngày 13/11/2015, Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 10016/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ về đất ở, nhà ở, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và và Lê Thị Tuyết T trong Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn Y.

Căn cứ Công văn số 13410/SXD-KTXD ngày 26/10/2015 của Sở Xây dựng về việc tính toán quy đổi suất vốn đầu tư xây dựng tại thời điểm năm 2015 của Biểu giá chuẩn tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Ngày 15/01/2016, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng lập Phiếu chiết tính số 463/PC-BBT về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung trong Dự án đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T ảnh hưởng trong dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể như sau:

- Nhà: cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic, trần xốp: 27,86m^2 x 3.160.000 đồng x 114,97% = 101.216.829 đồng.

- Hỗ trợ sửa chữa: 15,32 m^2 x 3.160.000 x 114,97% x 50% = 27.829.178 đồng.

- Khấu trừ điểm 1, phần III, Phiếu chiết tính số 90/PCT-BBT ngày 13/11/2015 = 88.037.600 đồng.

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ bổ sung là: 41.008.407 đồng (Bốn mươi mốt triệu, không trăm lẻ tám ngàn, bốn trăm lẻ bảy đồng).

Ngày 25/01/2016, Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và và Lê Thị Tuyết T trong Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn Y.

Theo khoản 1, Phần III, Chương III, Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Bồi thường Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long, được Uỷ ban nhân dân Huyện phê duyệt tại Quyết định số 9925/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 như sau:

"III. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì L ích quốc gia, công cộng (thực hiện theo Điều 75 Luật Đất đai năm 2013)

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Phần VI Chương III của Phương án này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định mà chưa được cấp".

Theo Điểm b, Khoản 2, Phần XVII, Chương III, Phương án Bồi thường, hỗ trợ của Dự án quy định như sau:

"XVII. Hỗ trợ đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất

Đối với những trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Phần III và XIV Chương III của Phương án này thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, lý do không đủ điều kiện, thời điểm đất đó được đưa vào sử dụng để xem xét hỗ trợ theo quy định sau:

2. Hỗ trợ về đất đối với trường hợp quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai, nhưng không có văn bản ngăn chặn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Hiện trạng là đất ở:

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vào mục đích đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì được hỗ trợ về đất bằng 40% đơn giá đất ở để tính bồi thường, diện tích hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ bằng 60% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo Phương án được phê duyệt đối với phần diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá 10.000m^2/hộ; phần diện tích đất còn lại (nếu có) không tính hỗ trợ.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vào mục đích đất ở từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì được hỗ trợ về đất bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường, diện tích hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ bằng 50% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo Phương án được phê duyệt đối với phần diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá 10.000m^2/hộ; phần diện tích đất còn lại (nếu có) không tính hỗ trợ.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vào mục đích đất ở từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 không tính hỗ trợ".

Căn cứ những quy định trên, trường hợp ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số 916/2009/UB-GCN cấp ngày 08/6/2009 nên việc bồi thường, hỗ trợ phải căn cứ vào giấy chứng nhận đã cấp, cụ thể như sau:

1. Phần đất nằm ngoài lộ giới: thuộc 1 phần thửa 804-1, diện tích 16,3m^2 được cấp giấy chứng nhận là đất ở nên được bồi thường loại đất ở.

2. Phần đất nằm trong lộ giới: thuộc 1 phần thửa 804-2, diện tích 36,3m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận (thuộc phần diện tích nhà đất không được công nhận) và tự chuyển mục đích xây dựng nhà ở năm 2000 sau ngày ban hành Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường thành phố Hồ Chí Minh, không đủ điều kiện bồi thường đất ở.

Tuy nhiên, xét thấy trường hợp của ông Huỳnh An L là tương tự trường hợp của ông Huỳnh Tấn Thành đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 4820/QĐ-UBND ngày 15/9/2016, cụ thể:

"Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân Y xem xét giải quyết hỗ trợ đối với phần đất diện tích 53,7m^2 theo điểm b, khoản 2, phần XVII, Chương III và được hỗ trợ vật kiến trúc theo điểm a, khoản 2, phần III, Chương IV của Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng bồi thường Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long (đã được Ủy ban

nhân dân Y phê duyệt tại Quyết định số 9925/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015)"

Ngày 08/11/ 2016, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng lập Phiếu chiết tính số 985/PCT về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn Y, cụ thể:

Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Loại đất ở, vị trí mặt tiền đường S: 36.3m^2 x (3.000.000 đồng x 30% x 2,504) = 81.805.680 đồng.

- Khấu trừ điểm 2, khoản 2,phần II Phiếu chiết tính số 90/PCT-BBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Ban Bồi thường: 13.611.919 đồng.

Bồi thường về nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 2000 nằm trong lộ giới đường S:

- Nhà: Cột sắt, mái tole, vách tường, nền xi măng, diện tích 28,56m^2 x 1.100.000 x 50% x 114,97% = 18.059.488 đồng.

- Nhà: Cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic, trần xốp, diện tích 10,05m^2 x 3.160.000 x 50% x 114,97% = 18.256.086 đồng.

Tổng số tiên bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: 104.509.335 đồng.

Ngày 10/11/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường có báo cáo số 3432/BC-TNMT về việc thẩm tra hồ sơ của ông Huỳnh An L bị ảnh hưởng trong Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn Y, theo đó:

"Phòng Tài nguyên và Môi trường thống nhất hỗ trợ về đất và vật kiến trúc theo quy định tại điểm b, khoản 2, phần XVII, Chương III và được hỗ trợ vật kiến trúc theo điểm a, khoản 2, phần III, Chương IV của Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng bồi thường Dự án theo đề xuất của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Phiếu chiết tính số 985/BBT ngày 08 tháng 11 năm 2016"

Ngày 14/11/2016, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 11630/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T với tổng số tiền là 104.509.335 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, ba trăm ba mươi lăm đồng).

Hiện tại, ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T đã đồng ý ký hồ sơ nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Y đề nghị Tòa án nhân dân Y giữ nguyên các Quyết định bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Y đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết T có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tri H trình bày như sau: Bà T thống nhất ý kiến với ông Huỳnh An L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Y, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh An L về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Ủy ban nhân dân Y về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T.

2. Án phí: Ông Huỳnh An L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0020050 ngày 01/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Y, Thành phố Hồ Chí Minh, ông L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 25/5/2018, ông Huỳnh An L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Ủy ban nhân dân Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Tri H trình bày: Ông L kháng cáo yêu cầu được bồi thường 36,3m^2 bằng đơn giá đất ở theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 20 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đất diện tích 36,3m^2 vi phạm lộ giới nên không được công nhận là đất ở tại thời điểm cấp giấy chứng nhận nhưng hoàn toàn đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất (vườn, ao) tại thời điểm thu hồi đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh An L, sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Y trình bày: Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh An L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tri H trình bày: Thống nhất với yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh An L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh An L. Việc Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T là đúng quy định pháp luật; nên xét thấy Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân Y là có căn cứ pháp luật cần giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Huỳnh An L làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Về việc xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Y, do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Y.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh An L:

+ Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Ủy ban nhân dân Y và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Ủy ban nhân dân Y:

Ngày 13/11/2015, Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 9925/QĐ-UBND về duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng song Cửu Long trên địa bàn Y.

Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 3, Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 6, Điều 9, Điều 13, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

+ Về yêu cầu hủy Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Ủy ban nhân dân Y, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc sử dụng đất:

Nguồn gốc đất do hộ ông Huỳnh Văn T sử dụng từ năm 1975, đến năm 1976 ông Huỳnh Văn T xây dựng nhà. Theo Tài liệu chỉnh lý 1992, ông Huỳnh Văn T đăng ký thuộc thửa 4161, tờ bản đồ số 03, diện tích 660m^2, loại đất thổ và thửa 4160, tờ bản đồ số 03, diện tích 220m^2, loại đất Ao, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Tài liệu 299/TTg: thuộc phần thửa 1363 tờ bản đồ số 02, loại đất thổ tập trung, ông Huỳnh Văn T không đăng ký, bà Nguyễn Thị A là vợ của ông Huỳnh Văn T đăng ký 300/7460m^2.

Năm 2000, ông Huỳnh Văn T tặng cho con là ông Huỳnh An L phần đất thuộc một phần thửa 4160, 4161, tờ bản đồ số 3, tài liệu chỉnh lý 1992 để xây dựng nhà, sử dụng ổn định cho đến nay. Theo tài liệu bản đồ địa chính 2005, Bộ địa chính xã X một phần đất này thuộc thửa 127 do ông Huỳnh An L đăng ký. Một phần được Ủy ban nhân dân Y cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 916/2009/UB-GCN ngày 08 tháng 6 năm 2009 cho ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T.

Nhà số D14/4B ấp 4, xã X do ông Huỳnh An L xây dựng năm 2000.

Ngày 08/6/2009, Ủy ban nhân dân Y cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo hồ sơ gốc số 916/2009/UB-GCN cho ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T đối với thửa đất số 804, tờ bản đồ số 70-BĐĐC diện tích 50,3m^2 loại đất ở và nhà ở số D14/4B đường S, ấp 4, xã X, Y, diện tích nhà ở: 36,1m^2.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế xây dựng đo đạc P lập ngày 02/04/2015 và được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận ngày 03/4/2015, vị trí khu đất của ông Huỳnh An L nằm trong ranh Dự án thuộc một phần thửa 4160 (18,6m^2), 4161 (34,0m^2), tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu chỉnh lý 1992), tương ứng một phần thửa 804, 127 tờ bản đồ số 70 (Theo tài liệu BĐĐC 2005), thuộc bộ địa chính xã X, Y.

Ngày 13/11/2015, Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 9619/QĐ-UBND về thu hồi đất của ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T, diện tích thu hồi nằm trong ranh dự án là: 52,6m^2, bao gồm:

- Phần diện tích 16,3m^2 thuộc thửa 804-1, đã được Ủy ban nhân dân Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 916/2009/UB-GCN ngày 08 tháng 6 năm 2009.

- Phần diện tích 36,3m^2 thuộc thửa 127-1 và 127-2 nằm trong lộ giới đường S không được công nhận.

- Về bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Đối với phần diện tích đất 16,3m^2 của ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Loại đất ở, vị trí mặt tiền đường S: 16,3m^2 x (3.000.000 đồng x 2,504) = 122.445.600 đồng.

Như vậy, căn cứ phần II, chương II Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015 phần đất ở này đã được bồi thường 100% là đúng quy định.

- Đối với phần diện tích đất 36,3m^2 ông L kháng cáo yêu cầu được bồi thường theo đơn giá đất ở, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất 36,3m^2 vi phạm lộ giới đường S theo Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nên không được công nhận là đúng quy định pháp luật. Phần đất này ông Huỳnh An L cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 916/2009/UB-GCN cấp ngày 08/6/2009 cho ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T thửa đất số 804, tờ bản đồ số 70-BĐĐC thể hiện đây là phần diện tích nhà và đất không được công nhận. Ông L và bà T cho rằng phần đất này là đất ở trong tổng số diện tích mà cha mẹ ông đăng ký, nhưng không có tài liệu nào chứng minh phần đất này thuộc diện tích đất ở đã đăng ký.

- Loại đất ở, vị trí mặt tiền đường S: 36.3m^2 x (3.000.000 đồng x 30% x 2,504) = 81.805.680 đồng.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 2, Phần XVII, Chương III Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015, Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T bồi thường mức 30% giá đất ở là đảm bảo quyền, L ích hợp pháp của ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T.

- Về bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc :

Ngày 13/11/2015, Uỷ ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 9925/QĐ-UBND phê duyệt Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015. Việc tính toán quy đổi suất vốn đầu tư xây dựng tại thời điểm năm 2015 của Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015 của Hội đồng Bồi thường Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long theo Biểu giá chuẩn tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố là đúng quy định của pháp luật.

Ông L và bà T cho rằng phần nhà ở chỉ bồi thường 50% giá trị là thiệt thòi cho ông bà. Tuy nhiên, Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T đã bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá trị phần nhà ở này cho ông bà.

Bồi thường về nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 2000 nằm trong lộ giới đường S:

- Nhà: Cột sắt, mái tole, vách tường, nền xi măng, diện tích 28,56m^2 x 1.100.000 x 50% x 114,97% = 18.059.488 đồng.

- Nhà: Cột BTCT, mái tole, vách tường, nền ceramic, trần xốp, diện tích 10,05m^2 x 3.160.000 x 50% x 114,97% = 18.256.086 đồng.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 phần III Chương IV của Phương án số 613/PA-HĐBT ngày 13/11/2015, phần giá trị nhà, vật kiến trúc đã được bồi thường, hỗ trợ đúng quy định.

Việc Ủy ban nhân dân Y ban hành Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và L ích hợp pháp của ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T nên kháng cáo của ông L là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh An L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số số 04/2018/HC-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân Y.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Huỳnh An L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 220; Điều 225; khoản 1 Điều 241; Điều 242 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 3, Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 6, Điều 9, Điều 13, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác kháng cáo của ông Huỳnh An L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân Y như sau:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh An L về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 10016/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 và Quyết định số 11630/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Ủy ban nhân dân Y về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về nhà, vật kiến trúc đối với ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T.

2/ Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Huỳnh An L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0020050 ngày 01/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Y, Thành phố Hồ Chí Minh, ông L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Huỳnh An L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2018/0005158 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Y. Ông Huỳnh An L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Y;
- Viện kiểm sát nhân dân Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Thủy